| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ**<br>**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| ---------- | ---------- |

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 6 năm 2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Đích
Ông Đặng Công Ba

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thái Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:*** Bà Lưu Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà số 70/TB-TA ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1975.
  Địa chỉ: Tổ 21, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)
- Bị đơn: Ông **Lê Phi M**, sinh năm 1973.
  Địa chỉ: Tổ 21, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Phi M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, Quyển số 02 ngày 14/8/1995. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường M, đến năm 2011 chuyển về sống tại tổ 21 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Lê Phi M thường xuyên

uống rượu bia say xỉn về la lối, chửi bới, quậy phá, vợ chồng cãi vã nhau. Mâu thuẫn được gia đình hòa giải, bà T đã nhiều lần nộp đơn ly hôn sau đó rút đơn về để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng ông bà mặc dù còn chung sống một nhà nhưng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm lẫn nhau. Bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Phi M.

Về con chung: bà Nguyễn Thị Ngọc T xác định vợ chồng có 03 con chung là: Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/2/1996; Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 22/4/2003; Lê Tâm T sinh ngày 10/6/2013. Con chung hiện đang sống cùng với cha mẹ, chủ yếu do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Tâm T, yêu cầu ông Lê Phi M cấp dưỡng nuôi con Lê Tâm T mỗi tháng 3.000.000đ, hai con chung Lê Nguyễn Thanh T và Lê Nguyễn Thanh T đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập đến vấn đề người nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T xác định bà và ông Lê Phi M không có tài sản chung và nợ chung.

- Bị đơn ông Lê Phi M đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông vẫn vắng mặt, không có ý kiến.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại khoản 5 Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đã không chấp hành các quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với ông Lê Phi M; Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lê Phi M; Về con chung: Giao con chung Lê Tâm T, sinh ngày 10/6/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên, ông Lê Phi M cấp

dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi con chung thành niên. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T xác định không có tài sản chung và nợ chung, đối với ông Lê Phi M vắng mặt không có ý kiến về tài sản và nợ chung nên không đề cập giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Lê Phi M cư trú tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Bị đơn ông Lê Phi M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vắng bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Phi M xác lập trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T xác định trong quá trình chung sống giữa vợ chồng ông bà có phát sinh mâu thuẫn do ông Lê Phi M thường xuyên sử dụng rượu bia về nhà chửi bới, vợ chồng cãi vã nhau, bà T đã nhiều lần nộp đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, vợ chồng mặc dù còn sống chung một nhà nhưng đã ly thân thời gian từ năm 2019 đến nay. Đối với ông Lê Phi M vắng mặt không có ý kiến gì.

Hội đồng xét xử thấy rằng giữa các bên đương sự có mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc bà Nguyễn Thị Ngọc T nhiều lần nộp đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, đến nay các bên lựa chọn sống ly thân là có thật, việc bị đơn ông Lê Phi M không đến tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa cho thấy ông không còn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, đời sống chung giữa hai người đã không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T

phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lê Phi M.

[2.2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T xác định vợ chồng bà có 03 con chung gồm có 02 con chung đã thành niên và 01 con chung chưa thành niên hiện chủ yếu do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung chưa thành niên, đối với 02 con chung đã thành niên thì không đề cập đến vấn đề người nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế hiện nay bà Nguyễn Thị Ngọc T cũng đang chăm sóc con chung, đại diện chính quyền địa phương xác nhận bà T đang nuôi con, bà có việc làm thu nhập hàng tháng ổn định đủ khả năng nuôi con chung, con chung đã trên 7 tuổi và cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ do đó căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, tiếp tục giao con chung Lê Tâm T cho bà trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Đối với 02 con chung là Lê Nguyễn Thanh T sinh năm 1996 và Lê Nguyễn Thanh T, sinh năm 2003 đã thành niên nên sẽ không đề cập đến vấn đề người nuôi dưỡng.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu ông Lê Phi M cấp dưỡng nuôi con chung Lê Tâm Thiện mỗi tháng số tiền là 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi con chung thành niên. Ông Lê Phi M vắng mặt không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T là phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo quyền lợi của con chung và đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T xác định vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung. Đối với ông Lê Phi M vắng mặt không có ý kiến, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí tranh chấp hôn nhân và gia đình, ông Lê Phi M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[5]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* của bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với ông Lê Phi M.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lê Phi M (Giấy chứng nhận kết hôn số 09, Quyển số 02/1995 do Uỷ ban nhân dân phường M, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cấp ngày 14/8/1995 không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Lê Tâm T, sinh ngày 10/6/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Ông Lê Phi M cấp dưỡng nuôi con chung Lê Tâm T mỗi tháng số tiền 3.000.000đ (Ba triệu triệu đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi con chung thành niên.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Con chung Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/2/1996 và Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 22/4/2003 đã thành niên nên không đề cập đến vấn đề người nuôi dưỡng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp theo biên lai thu số: 0003673 ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Phi M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường M;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lê Thị Thúy Hằng**